

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ B  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

*Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST*

*Ngày 30- 3- 2021*

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tổng Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hằng

Bà Đặng Thị Thỏa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 03/2021/ QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06 ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H - sinh năm 1995

Trú quán: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh T

( Vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Nguyễn Mai T - sinh năm 1979

Trú quán: SN 156 Bùi Xương Trạch, Khu phố 6, phường P, thị xã B, tỉnh T( Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2020 và bản tự khai nguyên đơn- chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mai T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, vợ chồng tổ chức đám cưới năm 2010 nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã B, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh T uống rượu và đánh đập mẹ con chị, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau không ai nhường nhịn ai. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở 3 năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mai T.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Mai T1( nam) sinh ngày 08/12/2011, cháu thứ hai tên là Nguyễn Mai T1( nam) sinh ngày 20/3/2016. Nếu ly hôn chị H xin được nuôi 2 cháu T1 và T2 đến tuổi thành niên. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/ 2 cháu. Còn trong trường hợp bắt buộc mỗi người nuôi một cháu, chị xin được nuôi cháu Nguyễn Mai T1 còn giao cháu Nguyễn Mai T2 cho anh T nuôi dưỡng và 2 bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về phía bị đơn:** Tại bản tự khai ngày 06/01/2021 anh Nguyễn Mai T trình bày: Anh và Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường P năm 2013 vì vợ chồng tổ chức đám cưới trước sau đó mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 9 năm, được sự cho phép của anh chị H đã ra ngoài Bắc Ninh làm công ty Samsung. Những tháng đầu chị H về với chồng con liên tục và dần dần ít về nhà sau đó không về nhà nữa. Anh đã 2 lần ra Bắc N đi tìm nhưng chị H trốn và không gặp. Nay chị H làm đơn ly hôn anh không đồng ý. Vì thực tế vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì, và cũng vì con cái anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con nên người.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Mai T1( nam) sinh ngày 08/12/2011, cháu thứ hai tên là Nguyễn Mai T2( nam) sinh ngày 20/3/2016. Vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không đồng ý Tòa án giải quyết phần con cái.

Về tài sản: Vợ chồng không có gì chung.

Tại biên bản xác minh ngày 11/01/2021 trường khu phố 6, phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa cho biết: Vợ chồng anh T, chị H đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND phường P, thị xã B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì anh T thường xuyên uống rượu say về đánh vợ, con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau nên chị H đã đưa 2 con về ở nhà bố mẹ đẻ tại Thôn N, xã N, huyện Thạch T ở từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Sau đó, anh T đến đón cháu T về ở cùng anh T, còn cháu T hiện nay đang ở với chị H và đang học tại xã N, huyện T, tỉnh T.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 09/02/2021 chị Bùi Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Ngày 02/02/2021 và ngày 19/02/2021 anh Nguyễn Mai T vắng mặt theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:139/TB- TA ngày 18//01/2021 và số 140/TB-TA ngày 03/02/2021. Tuy nhiên chị Bùi Thị H vắng mặt có lý do, anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn đề nghị xét xử vụ án ly hôn vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Mai T vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 /Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Mai T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Mai T, giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Mai T1( nam) sinh ngày 08/12/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi

đưỡng, giao cháu Nguyễn Mai T2( nam) sinh ngày 20/3/2016 cho anh T nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

**[1] Xét về quan hệ pháp luật:** Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mai T. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường P thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại quy định tại Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

#### **[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:**

Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Mai T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên say rượu đánh vợ con. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị H c-ơng quyết xin ly hôn, anh T mong muốn vợ chồng cùng có trách nhiệm với con cái nên anh không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, chị H và anh T đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, hai bên không có động thái gặp gỡ nhau để cùng giải quyết những khúc mắc của hai vợ chồng, mạnh ai người nấy sống, không quan tâm đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

**[3] Về con cái:** Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Mai T1( nam) sinh ngày 08/12/2011, cháu thứ hai tên là Nguyễn Mai T2( nam) sinh ngày 20/3/2016. Nguyên vọng của chị H xin được nuôi 2 cháu T1 và T2 đến tuổi thành niên. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/ 2 cháu. Còn trong trường hợp bắt buộc mỗi người nuôi một cháu, chị xin được nuôi cháu Nguyễn Mai T1 còn giao cháu Nguyễn Mai T2 cho anh T nuôi dưỡng và 2 bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến cụ thể về phần con cái và tại

phiên tòa anh T không có mặt để thể hiện quan điểm của mình nên HĐXX xét thấy, hiện nay cháu T1 đang đi học và ở với mẹ tại Thôn N, xã N, huyện T và cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ, còn cháu T trước đây ở với mẹ nhưng sau đó anh T đã đón về ở cùng anh tại khu phố 6, phường P, thị xã B. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo việc học tập cho các cháu cần giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

**[4] Về tài sản chung của vợ chồng:** Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn ngày 30/11/2020 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007132. Như vậy, chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Bởi những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

\* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

\* **Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H

\* Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Mai T.

\* Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu là Nguyễn Mai T1( nam) sinh ngày 08/12/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Mai T2( nam) sinh ngày 20/3/2016 cho anh Nguyễn Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 30/11/2020 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007132. Như vậy, chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

☐n xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Mai T. Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- VKSND Thị xã B ;
- Đ- ơng sự;
- UBND phường Ph(ĐK 2013)
- THA Dân sự TXB;
- L- u Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TỔNG THỊ HÀ**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA







